TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/DS - ST
Ngày: 16/4/2019
V/v Tranh chấp nợ hụi và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Hồng;
2. Bà Lê Thị Tố Nữ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 890/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp nợ hụi và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1969

Địa chỉ thường trú: đường C, khu phố 10, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có mặt

Bị đơn: Bà Dương Thị Kiều T. Sinh năm: 1976

Địa chỉ thường trú: đường T, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: đường C, khu phố 10, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2018 của bà Trần Thị Đ và bản tự khai của các bên đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Trần Thị Đ là nguyên đơn trình bày: Đầu năm 2016, bà T có mời bà chơi hụi tại nhà số 242/14 Lê Đình Cẩn, khu phố 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng chính là nơi giao dịch khi bà giao tiền cho bà T. Do bà mới tham gia chơi hụi từ năm 2016, trong khi đó, bà T đã tổ chức cho nhiều người chơi hụi từ năm 2013 nên bản thân bà chỉ biết mình và một số người hàng xóm có tham gia dây hụi do bà T làm chủ hụi và tới kỳ đóng tiền chứ không biết hết những người chơi cùng. Việc bỏ thăm hốt hụi những người chơi cũng không thực hiện mà tiền hụi hàng kỳ đóng bao nhiêu là do bà T quyết định và thông báo cho bà đóng. Ngoài ra, bà còn chơi mua (tràn hụi) nhiều phần hụi để hưởng tiền chênh lệch giữa hụi sống – hụi chết trên mỗi phần đã mua (tiền lời) và đến cuối mỗi kỳ, phần hụi mua này sẽ được hốt để thu hồi vốn. Tổng cộng, bà đã tham gia những phần hụi như sau:

Hụi tuần 1.000.000đ (một triệu đồng), bà mua hụi của bà T 27.500.000 đồng, bà đã nhận tiền lời hàng tuần là 400.000 đồng x 21 tuần = 8.400.000 đồng, tiền gốc bà T còn thiếu là 19.100.000 đồng.

Hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng) 12 phần, bà mua hụi của bà T 29.900.000 đồng và đã nhận tiền lời mỗi tháng là 900.000 đồng x 5 tháng = 4.500.000 đồng (2 tháng 6 năm 2016 âm lịch), tiền gốc còn thiếu là: 25.400.000 đồng.

Hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà mua hụi của bà T 46.500.000 đồng, mỗi tháng tiền lời là 1.350.000 đồng x 4 tháng = 5.400.000 đồng, tiền gốc còn thiếu là: 41.100.000 đồng.

Hụi 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) 16 phần, bà mua hụi 26.500.000 đồng, đã nhận tiền lời hằng tuần là 500.000 đồng x 14 tuần= 7.000.000 đồng, tiền gốc bà T còn thiếu là: 19.500.000 đồng.

Hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng) 12 phần, bà mua hụi 29.900.000 đồng, đã nhận tiền lời mỗi tháng 900.000 đồng x 5 tháng = 4.500.000 đồng (từ ngày 9 tháng 6 năm 2016 âm lịch), tiền gốc còn thiếu là: 25.400.000 đồng.

Hụi 5.000.000đ (năm triệu đồng) 12 phần, bà mua hụi 38.200.000 đồng và nhận tiền lời mỗi tháng là 1.100.000 đồng x 7 tháng = 7.700.000 đồng, tiền gốc còn thiếu là: 30.500.000 đồng.

Hụi 1.000.000đ (một triệu đồng) 20 phần, bà mua hụi 55.000.000 đồng, đã nhận tiền lời mỗi tuần 800.000 đồng x 21 tuần = 16.800.000 đồng, tiền gốc còn thiếu là: 38.200.000 đồng.

Những khoản hụi trên có giấy tờ do bà T viết biên nhận cho bà.

Ngoài ra, bà còn tham gia hụi chơi 2.000.000đ (hai triệu đồng) từ ngày 09 tháng 6 năm 2016 âm lịch (2 phần) là 1.550.000 đồng x 6 = 9.300.000 đồng.

Bà còn tham gia hụi tuần 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) 3 phần là: 1.200.000 đồng x 14 tuần = 16.800.000 đồng.

Tiền bà T vay mượn riêng 30.000.000 đồng, đã trả lãi 7.500.000đ, còn nợ gốc 22.500.000 đồng.

Riêng 3 khoản tiền hụi chơi và tiền vay bà T không làm giấy biên nhận cho bà.

Bà tự nguyện cấn trừ tất cả các khoản tiền lời, tiền lãi mà bà đã nhận của bà T vào khoản tiền gốc bà T còn thiếu của bà. Như vậy, tổng cộng bà T còn thiếu bà Đ số tiền nợ gốc là 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

Bà đã tạo điều kiện cho bà T trả dần cho bà mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, bà T không đồng ý mà yêu cầu được trả mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Xét thấy bà T không có thiện chí trả tiền cho bà, do đó, bà yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà T trả cho bà mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết số tiền 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền hụi và vay chênh lệch giữa nội dung đơn khởi kiện và số tiền yêu cầu tại phiên tòa hôm nay (284.350.000đ – 247.800.000đ) là 36.550.000đ (ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 36.550.000đ (ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà xác nhận bà hiện độc thân, không kết hôn với ai.

Bị đơn là Bà Dương Thị Kiều T là bị đơn trình bày: Bà xác nhận bà và bà Đ có quan hệ chơi hụi và vay mượn với nhau, cụ thể như sau:

Hụi 1.200.000đ (một triệu hai trăm ngàn đồng), bà có nhận số tiền mua hụi của bà Trần Thị Đ 27.500.000 đồng, bà đã đóng lời cho bà Trần Thị Đ hàng tuần là 400.000đ x 21 tuần = 8.400.000 đồng, tiền gốc còn thiếu là 19.100.000đ (mười chín triệu một trăm ngàn đồng).

Hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng) 12 phần, bà có nhận số tiền mua hụi của bà Trần Thị Đ 29.900.000đ (hai mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng), bà đã đóng lời cho bà Đ mỗi tháng là 900.000 đồng x 5 tháng = 4.500.000 đồng (từ mùng 2 tháng 6 năm 2016 âm lịch), tiền gốc còn thiếu là: 25.400.000đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà nhận số tiền mua hụi của bà Đ 46.500.000 đồng, bà đã đóng tiền lời cho bà Đ mỗi tháng tiền lời là 1.350.000 đồng x 4 tháng = 5.400.000 đồng, tiền gốc còn thiếu là: 41.100.000đ (bốn mươi mốt triệu một trăm ngàn đồng).

Hụi 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) 16 phần, bà có nhận số tiền mua hụi của bà Đ 26.500.000 đồng, bà đã đóng lời cho bà Đ hằng tuần là 500.000 đồng x 14 tuần= 7.000.000 đồng , tiền gốc còn thiếu là: 19.500.000đ (mười chín năm trăm ngàn đồng).

Hụi 2.000.000đ (hai triệu đồng) 12 phần, bà có nhận số tiền mua hụi của bà Đ 29.900.000 đồng , bà đã đóng tiền lời cho bà Đ mỗi tháng 900.000 đồng x 5 tháng = 4.500.000 đồng (từ mùng 9 tháng 6 năm 2016 âm lịch), tiền gốc còn thiếu là: 25.400.000đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Hụi 5.000.000đ (năm triệu đồng) 12 phần, bà có nhận số tiền của bà Đ là 38.200.000 đồng . Tiền lời bà đóng mỗi tháng cho bà Đ là 1.100.000 đồng x 7 tháng = 7.700.000 đồng, tiền gốc còn thiếu là: 30.500.000đ (ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng)

Hụi 1.000.000đ (một triệu đồng) 20 phần, bà có nhận số tiền mua hụi của bà Đ 55.000.000 đồng, bà đã đóng lời cho bà Đ mỗi tuần 800.000 đồng x 21 tuần = 16.800.000 đồng, tiền gốc còn thiếu là: 38.200.000đ (ba mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Những khoản hụi trên có giấy tờ theo đúng như bà Đ cung cấp.

Ngoài ra, bà còn thiếu hụi chơi 2.000.000đ (hai triệu đồng) ngày 9 tháng 6 (2 phần) là 1.550.000đ x 6 = 9.300.000đ (chín triệu ba trăm ngàn đồng).

Thiếu hụi tuần 500.000đ (3 phần) là: 1.200.000đ x 14 tuần = 16.800.000đ (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Tiền mượn riêng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), đã trả lãi 7.500.000đ, còn nợ gốc 22.500.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng cộng bà còn thiếu bà Đ số tiền nợ gốc là 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

Đến cuối năm 2016, bà bị bể hụi nên không có khả năng thanh toán tiền cho bà Đ. Bà xác nhận đã nhận số tiền của bà Trần Thị Đ như đã nêu trên và bà xin được trả từ từ theo mức thu nhập làm công của bà, mỗi tháng trả 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hết số nợ của bà Đ.

Bà xác nhận bà hiện độc thân, không kết hôn với ai.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên. Nguyên đơn yêu cầu bà T phải trả cho bà Đ số tiền hụi và vay gốc còn thiếu tổng cộng 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn xin trả cho nguyên đơn 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) bằng cách mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa bà Trần Thị Đ và bà Dương Thị Kiều T là tranh chấp nợ hụi và hợp đồng vay tài sản, thời điểm xác lập giao dịch là năm 2016 nên được Bộ luật dân sự năm 2005 điều chỉnh. Xét bị đơn có nơi cư trú tại số phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét qua yêu cầu buộc bà T trả cho bà Đ số tiền nợ là 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ kể từ ngày án có hiệu lực pháp

luật, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các bên đương sự thì việc hai bên ký kết hợp đồng vay tài sản được thể hiện như sau:

[5] Về hình thức: Hai bên đã lập biên nhận và thỏa thuận bằng lời nói với nhau về việc chơi hụi và cho vay tiền. Như vậy, căn cứ vào Điều 401, Điều 471 Bộ luật dân sự 2005, Điều 7 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, hai bên đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về hình thức hợp đồng.

[6] Về nội dung: Chủ thể giao kết hợp đồng là bà Trần Thị Đ (bên cho vay, thành viên chơi hụi) và bà Dương Thị Kiều T (bên vay, chủ hụi) đều là những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi để giao kết hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng, các bên đều hoàn toàn tự nguyện. Theo thỏa thuận của hai bên, phía bà Đ cho bà T mượn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không kỳ hạn, có lãi suất. Do đó, có cơ sở xác định thỏa thuận vay tiền của hai bên là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn, có lãi. Đối với số tiền chơi hụi và mua hụi cũng là thỏa thuận hụi có lãi.

[7] Về số nợ gốc và thời hạn trả nợ: Tại Tòa, hai bên đã thống nhất số tiền vay và tiền hụi bà T còn thiếu của bà Đ tổng cộng là 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, hai bên lại không thống nhất được về thời gian trả nợ. Bà Đ đồng ý cho bà T trả cho bà mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), bà T lại xin trả dần mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hết nợ. Xét thấy việc hai bên thỏa thuận cho vay nợ và chơi hụi từ năm 2016. Bà T cũng xác định mình có lỗi khi bể hụi, không trả tiền cho bà Đ và nay lại tiếp tục lại xin trả dần 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) mỗi tháng nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Nhận thấy, từ khi vay và chơi hụi đến nay thời gian đã kéo dài hơn 02 năm nhưng phía bà T đã không thanh toán lại cho bà Đ số tiền trên gây nhiều thiệt hại cho bà Đ. Nay bà Đ đồng ý cho bà T trả mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) là cũng đã tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ cho nguyên đơn. Để đảm bảo quyền lợi của bà Đ, căn cứ vào khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, Điều 15, Điều 22, Điều 27, Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

[8] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn tự nguyện trừ số tiền lãi đã nhận của bị đơn vào số tiền gốc và không yêu cầu xem xét số tiền lãi bị đơn còn thiếu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 36.550.000đ (ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) của bà Trần Thị Đ, xét việc rút yêu cầu của bà Trần Thị Đ là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bà Đ đã rút.

[10] Về án phí: Bà Dương Thị Kiều T chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau: 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn

đồng) án phí được tính là 12.390.000đ (mười hai triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà Trần Thị Đ số tiền 7.108.750đ (bảy triệu một trăm lẻ tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0030775 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 401, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Điều 7, Điều 15, Điều 22, Điều 27, Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với bà Dương Thị Kiều T.

Buộc bà Dương Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 247.800.000đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

2. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Đ buộc bị đơn bà Dương Thị Kiều T phải số tiền 36.550.000đ (ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Về án phí: Bà Dương Thị Kiều T chịu 12.390.000đ (mười hai triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Đ số tiền 7.108.750đ (bảy triệu một trăm lẻ tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0030775 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

5. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh